TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 03/2021/QĐST –HNGĐ Ngày 08/4/2021 *"V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật"*	

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần phiên họp sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Thư ký Toà án ghi biên bản: Bà Nguyễn Thị Trang Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Khoái Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K mở phiên họp công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình *"Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật"*, thụ lý số: 02/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2021, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2021 đối với:

****/ Cơ quan yêu cầu:*** **Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.**

Địa chỉ: Xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện: Ông Bùi Thế Công – Chủ tịch UBND xã H. (Vắng mặt có lý do)

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. **Anh Hoàng Văn L**, sinh năm 1983;

2. **Chị Đỗ Thị A**, sinh năm 1991.

Đều trú tại: thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Đều vắng mặt có lý do)

****/ Người làm chứng:***

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1958;

Trú tại: thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. **Ông Đỗ Danh B**, sinh năm 1955.

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt có lý do)

NHẬN THẤY

Tại công văn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 11/3/2021 và các tài liệu chứng cứ kèm theo, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên (viết tắt là UBND xã H) trình bày: Trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh cho con chung của anh Hoàng Văn L và chị Đỗ Thị A có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên, UBND xã H đã phát hiện có sai sót trong việc đăng ký kết hôn số: 153/2008 ngày 24/9/2008 của UBND xã H đối với anh Hoàng Văn L, sinh ngày 14/8/1983 và chị Đỗ Thị A, sinh ngày 14/11/1989. Trong khi, tại giấy khai sinh và giấy chứng minh thư nhân dân của chị A lại ghi chị Đỗ Thị A, sinh ngày 19/11/1991. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Đỗ Thị A mới 16 tuổi 10 tháng 24 ngày. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: *"1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây: a, Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên."* Đối chiếu với quy định trên thì thấy rằng UBND xã H đã thực hiện đăng ký kết hôn cho anh Hoàng Văn L và chị Đỗ Thị A là trái quy định của pháp luật. Vậy nên, UBND xã H căn cứ vào quy định tại Điều 10 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Hoàng Văn L và chị Đỗ Thị A.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L và chị A trình bày: Anh, chị thừa nhận việc đăng ký kết hôn vi phạm Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Tuy nhiên, sau khi kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc và đã có 03 con chung. Cho đến thời điểm hiện tại thì anh chị cũng đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, nên anh L và chị A đều đề nghị Tòa án nhân dân huyện K công nhận hôn nhân hợp pháp cho anh chị kể từ ngày chị A đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Tại phiên họp hôm nay: Đại diện theo pháp luật của UBND xã H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L và chị A, những người làm chứng là bà Hoàng Thị T và ông Đỗ Danh B đều đã được triệu tập tham gia phiên họp nhưng đều vắng mặt có lý do. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp bình thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân K phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nă 2015.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 8; Khoản 2, 3 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số: 153/2008, ngày 24/9/2008 của Ủy ban nhân dân xã H; Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn L và chị Đỗ Thị A là hợp pháp kể từ ngày 20/11/2008; UBND xã H không phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện K thấy rằng:

[1]. Về thủ tục tố tụng: UBND xã H có công văn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Hoàng Văn L và chị Đỗ Thị A, vì tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Đỗ Thị A chưa đủ tuổi theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, do các đương sự có cùng địa chỉ tại huyện K, cơ quan đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã H. Nên thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét yêu cầu của UBND xã H, huyện K:

Anh L và chị A kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện K đăng ký kết hôn; Căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được thì thấy rằng: Chị Đỗ Thị A, sinh ngày 19/11/1991 *(theo Bản sao Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên sao từ sổ đăng ký khai sinh ngày 23/10/2020 và Giấy chứng minh thư nhân dân do Giám đốc Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/3/2006)* đến ngày 29/4/2008 chị A đăng ký kết hôn với anh L thì chị A mới được 16 tuổi 10 tháng 24 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật điều chỉnh tại thời điểm anh chị kết hôn) là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, cần hủy Giấy đăng ký kết hôn số: 153/2008, ngày 24/9/2008 về việc đăng ký kết hôn giữa anh Hoàng Văn L, sinh ngày 14/8/1983 và chị Đỗ Thị A, sinh ngày 19/11/1991.

[3]. Xét đề nghị của anh L, chị A:

Mặc dù kết hôn thiếu tuổi, nhưng sau khi đăng ký kết hôn, anh L và chị A chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ đó cho đến nay và đã có 03 con chung. Quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình, chị A và anh L khai rằng việc đăng ký kết hôn trái pháp luật của giữa anh chị đã gây khó khăn cho anh chị trong quá trình làm thủ tục khai sinh cho con chung cũng như các thủ tục hành chính khác. Nên anh L, chị A cũng đồng ý với đề nghị của Ủy ban nhân dân xã H về việc hủy Giấy đăng ký kết hôn số: 153/2008, ngày 24/9/2008, đồng thời anh chị thống nhất đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp kể từ chị A đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT -TANDTC-VKSNDTC - BTP

ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn: *"Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau: "a. Nếu hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn."*

Căn cứ vào quy định trên xét thấy tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu của UBND xã H thì chị A đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại a khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nên cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn L và chị Đỗ Thị A là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày chị Đỗ Thị A từ 18 tuổi trở lên tức là ngày 20 tháng 11 năm 2008.

[3]. Về lệ phí: UBND xã H không phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 8; Khoản 2, 3 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số: 153/2008, ngày 24/9/2008 của Ủy ban nhân dân xã H.

3. Chấp nhận đề nghị của anh Hoàng Văn L và chị Đỗ Thị A. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn L và chị Đỗ Thị A kể từ ngày 20/11/2008.

4. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Ủy ban nhân xã H, huyện K không phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Cơ quan yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh HY;*
- *VKS ND huyện K;*
- *Chi cục THADS huyện K/C.*
- *Ủy ban nhân dân xã H;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS +VP.*

Nguyễn Thị Thu Hương